

UBND HUYỆN CẦN GIỜ  
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2461/GDĐT

Cần Giờ, ngày 03 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Thông tư  
Ban hành quy định về Bộ chuẩn  
Phát triển trẻ em 5 tuổi

Kính gửi: Hiệu trưởng các Trường Mầm non.

Thực hiện Công văn Số 6384/SGDDĐT-GDMN ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố về góp ý dự thảo Thông tư ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (sau đây gọi tắt là Bộ chuẩn).

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị hiệu trưởng các trường mầm non lấy ý kiến cán bộ quản lý và giáo viên mầm non góp ý dự thảo Thông tư ban hành quy định về Bộ chuẩn, tổng hợp góp ý dự thảo Thông tư theo các biểu đính kèm (Dự thảo Thông tư, Thuyết minh và Khung góp ý).

Nội dung góp ý và các biểu mẫu của đơn vị gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 08 tháng 11 năm 2023 qua Zalo hoặc email Bà Hồ Thị Ngọc Ánh, chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp.

Đề nghị hiệu trưởng các trường quan tâm triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban lãnh đạo PGD (Bà Châu);
- Tổ Mầm non (Bà Ánh, bà Diệu);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Lê Thị Kim Châu*



## DỰ THẢO 2

## THÔNG TƯ

**Ban hành Quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi**

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 20.....

Thông tư này thay thế Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc sở giáo dục và đào tạo các tỉnh, thành phố, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng QGGD&PTNNL;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT BGDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDMN (..... bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Ngô Thị Minh**





**QUY ĐỊNH VỀ BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (sau đây gọi tắt là Bộ chuẩn), bao gồm: Mục đích, nội dung Bộ chuẩn và tổ chức thực hiện.

2. Thông tư này áp dụng đối với các trường mầm non, trường mẫu giáo và lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Mục đích của Bộ chuẩn**

1. Bộ chuẩn định hướng về sự phát triển của trẻ em 5 tuổi, giúp các nhà quản lý, nhà giáo dục, cha mẹ trẻ em và các tổ chức, cá nhân liên quan hiểu rõ về khả năng, mức độ đạt được của trẻ em 5 tuổi.

2. Bộ chuẩn làm cơ sở xác định kết quả mong đợi ở trẻ trong xây dựng Chương trình giáo dục mầm non.

3. Bộ chuẩn làm căn cứ tham chiếu để xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non, địa phương và quốc gia.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Các từ ngữ trong văn bản này được hiểu như sau:

1. Trẻ em 5 tuổi là trẻ trong độ tuổi từ 60 tháng đến 71 tháng.
2. Bộ chuẩn là tập hợp những chuẩn của các lĩnh vực phát triển trẻ em 5 tuổi.
3. Lĩnh vực là phạm vi phát triển cụ thể.
4. Chuẩn là những mong đợi trẻ em 5 tuổi biết và có thể làm được.
5. Chỉ số là các biểu hiện cụ thể, phản ánh nội dung của chuẩn.

**Điều 4. Cấu trúc Bộ chuẩn**

1. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi gồm 6 lĩnh vực, 22 chuẩn, 70 chỉ số.
2. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi được trình bày theo cấu trúc sau:
  - a. Lĩnh vực bao gồm các chuẩn.
  - b. Chuẩn bao gồm các chỉ số.

## Chương II

### NỘI DUNG BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI

#### **Điều 5. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thể chất**

*Các năng lực cơ bản trong lĩnh vực phát triển Thể chất được phản ánh thông qua: Sức khỏe thể chất (chuẩn 1, 2); Thực hiện các kỹ năng vận động (chuẩn 3, 4); Hiểu biết, thực hành dinh dưỡng, vệ sinh và an toàn (chuẩn 5, 6).*

##### **Chuẩn 1. Trẻ có thể lực để tham gia tích cực vào các hoạt động**

- a) Chỉ số 1. Giữ tư thế đứng khi đứng, ngồi, đi mà không cần nhắc nhở;
- b) Chỉ số 2. Thường xuyên tham gia vào các hoạt động thể chất với nhóm bạn;

##### **Chuẩn 2. Trẻ thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường**

- a) Chỉ số 3. Duy trì thể lực khi tham gia các hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi;
- b) Chỉ số 4. Dễ dàng tham gia vào hoạt động với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.

##### **Chuẩn 3. Trẻ có kỹ năng vận động thô (vận động cơ lớn)**

- a) Chỉ số 5. Thực hiện phối hợp các vận động: Đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; Leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ;
- b) Chỉ số 6. Chạy nhanh 20m trong 5 - 6 giây;
- c) Chỉ số 7. Đập và bắt bóng liên tục (tối thiểu bắt được 2/3 lần); ném bóng cho người lớn và bắt bóng bằng 2 tay ở khoảng cách 3-3,5m.

##### **Chuẩn 4. Trẻ có kỹ năng vận động tinh (vận động cơ nhỏ)**

- a) Chỉ số 8. Cắt theo đường viền thẳng và cong của hình: ngôi sao, ô tô, con cá và dán hình vào đúng vị trí;
- b) Chỉ số 9. Thực hiện được các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ: cài/ mở khuy áo; đóng mở khóa kéo; đi giày, dép; đánh răng; sử dụng thìa/đũa để tự ăn; sử dụng dao nhựa cắt hoa quả mềm để ăn.

##### **Chuẩn 5. Trẻ thực hành ăn, uống lành mạnh và thói quen vệ sinh cơ bản**

- a) Chỉ số 10. Trẻ nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích của chúng với sức khỏe;
- b) Chỉ số 11. Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (Có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh các đồ ăn gây dị ứng cho bản thân);
- c) Chỉ số 12. Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi.

##### **Chuẩn 6. Trẻ có kỹ năng an toàn**

- a) Chỉ số 13. Trẻ biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn;
- b) Chỉ số 14. Trẻ nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa; kêu cứu; thông báo với người lớn...);
- c) Chỉ số 15. Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người lớn (cảm thấy mệt mỏi, đau, mẩn ngứa, buồn nôn ...).

#### **Điều 6. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội**

*Lĩnh vực phát triển tình cảm – xã hội đề cập đến các năng lực của trẻ về nhận thức bản thân (chuẩn 7,8) và năng lực quan hệ xã hội (9,10).*

#### **Chuẩn 7. Trẻ nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân**

- a) Chỉ số 16. Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân;
- b) Chỉ số 17. Gọi tên được 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó.

#### **Chuẩn 8. Trẻ có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác**

- a) Chỉ số 18. Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân;
- b) Chỉ số 19. Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp trong giao tiếp với mọi người xung quanh;
- c) Chỉ số 20. Kiểm soát cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;
- d) Chỉ số 21. Đưa ra quyết định có trách nhiệm với bản thân.

#### **Chuẩn 9. Trẻ ứng xử phù hợp trong mối quan hệ với người khác và môi trường**

- a) Chỉ số 22. Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp trong mối quan hệ ở gia đình, nhà trường, cộng đồng;
- b) Chỉ số 23. Thể hiện được hành vi ứng xử văn hoá trong mối quan hệ với người khác và môi trường;
- c) Chỉ số 24. Tôn trọng sự khác biệt của người khác;
- d) Chỉ số 25. Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi;
- e) Chỉ số 26. Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp.

#### **Chuẩn 10. Trẻ thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác**

- a) Chỉ số 27. Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc đã xảy ra;
- b) Chỉ số 28. Nhận lỗi và sửa lỗi khi vi phạm;
- c) Chỉ số 29. Giữ lời hứa với người khác.

## **Điều 7. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp**

*Các năng lực cơ bản trong Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp được phản ánh thông qua: Nghe hiểu và biểu đạt thông tin phù hợp trong giao tiếp (chuẩn 11,12) và sẵn sàng cho việc học đọc và học viết (chuẩn 13,14).*

### **Chuẩn 11. Trẻ nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp**

- a) Chỉ số 30. Nghe hiểu và làm theo được chỉ dẫn 3 bước;
- b) Chỉ số 31. Sử dụng lời nói trong giao tiếp để người khác hiểu được;
- c) Chỉ số 32. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp;
- d) Chỉ số 33. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói.

### **Chuẩn 12. Trẻ thể hiện ngôn ngữ sáng tạo**

- a) Chỉ số 34. Diễn tả hiểu biết của bản thân theo cách riêng của mình để người khác hiểu được;

- b) Chỉ số 35. Kể chuyện sáng tạo theo ý tưởng riêng của mình.

### **Chuẩn 13. Trẻ sẵn sàng cho việc học đọc**

- a) Chỉ số 36. Thể hiện sự thích thú và có hành vi phù hợp với sách và ấn phẩm;
- b) Chỉ số 37. Nhận biết được một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;
- c) Chỉ số 38. Nhận biết được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt;
- d) Chỉ số 39. Nghe và nhận ra âm đầu giống nhau trong các tiếng.

### **Chuẩn 14. Trẻ sẵn sàng cho việc học viết**

- a) Chỉ số 40. Thể hiện sự thích thú và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết”;
- b) Chỉ số 41. Bắt chước hành vi “viết”.

## **Điều 8. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức**

*Các năng lực cơ bản trong Lĩnh vực phát triển nhận thức được phản ánh thông qua: sử dụng khả năng tư duy về các sự vật, hiện tượng gần gũi và biểu đạt bằng nhiều hình thức khác nhau; sử dụng kiến thức, kỹ năng sơ đẳng về toán, khoa học và tiếp cận công nghệ để tham gia hoạt động; giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến toán, khoa học và công nghệ trong cuộc sống hằng ngày (chuẩn 15,16,17,18).*

### **Chuẩn 15. Trẻ thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm và đo**

- a) Chỉ số 42. Thực hiện tách, gộp, so sánh số lượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả;

- b) Chỉ số 43. Thực hiện thêm, bớt số lượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả;

- c) Chỉ số 44. Thực hiện được các thao tác đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ và biểu thị kết quả đo.

**Chuẩn 16. Trẻ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp, định hướng trong không gian và thời gian**

- a) Chỉ số 45. Xác định được một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh;
- b) Chỉ số 46. Thực hiện sắp xếp theo quy tắc;
- c) Chỉ số 47. Xác định được vị trí trong không gian theo vật chuẩn;
- d) Chỉ số 48. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;
- e) Chỉ số 49. Xác định được giờ đúng trên đồng hồ.

**Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học**

- a) Chỉ số 50. Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên;
- b) Chỉ số 51. Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;
- c) Chỉ số 52. Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống.

**Chuẩn 18. Trẻ nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số**

- a) Chỉ số 53. Sử dụng được một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn;
- b) Chỉ số 54. Thể hiện kỹ năng tiếp cận công nghệ số để giải quyết vấn đề theo quy trình các bước đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

**Điều 9. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thẩm mỹ**

*Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ đề cập đến năng lực ở trẻ cuối 5 tuổi về sự phát triển thẩm mỹ bao gồm: Năng lực cảm thụ cái đẹp (chuẩn 19) và năng lực sử dụng nghệ thuật như là phương tiện để thể hiện cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo của bản thân (chuẩn 20). Các chuẩn, chỉ số trong lĩnh vực này đề cao cảm xúc, ý tưởng của bản thân trẻ trong các hoạt động nghệ thuật và ứng dụng sáng tạo nghệ thuật vào cuộc sống.*

**Chuẩn 19. Trẻ thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và cuộc sống**

- a) Chỉ số 55. Bộc lộ cảm xúc (qua lời nói, cử chỉ, hành động....) trước cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và cuộc sống;
- b) Chỉ số 56. Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống;
- c) Chỉ số 57. Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật;
- d) Chỉ số 58. Thể hiện hiểu biết của bản thân về nghệ thuật dân gian truyền thống của địa phương và/hoặc của Việt Nam;

e) Chỉ số 59. Có lời nói, hành động hoặc thái độ thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật và cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống.

**Chuẩn 20. Trữ sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân**

a) Chỉ số 60. Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc;

b) Chỉ số 61. Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về nó;

c) Chỉ số 62. Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật;

d) Chỉ số 63. Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng của mình (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/ cử chỉ lịch sự/nhân ái...).

**Điều 10. Các chuẩn tiếp cận với việc học**

*Lĩnh vực tiếp cận với việc học đề cập một số yếu tố cần thiết hướng đến hình thành các năng lực học tập bền vững sau này, như: Tự chủ với việc học (chuẩn 21) và giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống (chuẩn 22).*

**Chuẩn 21. Tự chủ với việc học**

a) Chỉ số 64. Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng;

b) Chỉ số 65. Tập trung chú ý trong thực hiện nhiệm vụ và hoạt động;

c) Chỉ số 66. Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;

d) Chỉ số 67. Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động;

e) Chỉ số 68. Hợp tác và kết hợp làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.

**Chuẩn 22. Giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống**

a) Chỉ số 69. Thảo luận, giải thích, diễn giải được suy nghĩ của bản thân;

b) Chỉ số 70. Thực hiện được một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Sử dụng Bộ chuẩn làm cơ sở xác định kết quả mong đợi các độ tuổi trong xây dựng Chương trình giáo dục mầm non.

2. Hướng dẫn các địa phương sử dụng Bộ chuẩn làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. Truyền thông nâng cao nhận thức của xã hội về Bộ chuẩn, huy động sự tham gia của xã hội vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn nhằm đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm các điều kiện, giúp trẻ em mầm non phát triển toàn diện theo quy định tại Bộ chuẩn.

2. Hướng dẫn các phòng giáo dục đào tạo sử dụng Bộ chuẩn làm căn cứ tham mưu xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

3. Truyền thông nâng cao nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ, cộng đồng, các tổ chức và cá nhân liên quan tại địa phương về Bộ chuẩn.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm các điều kiện, giúp trẻ em 5 tuổi tại địa phương phát triển theo quy định tại Bộ chuẩn.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định tại Bộ chuẩn.

3. Truyền thông, nâng cao nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ, cộng đồng và các tổ chức và cá nhân liên quan tại địa phương về Bộ chuẩn.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non**

1. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, đổi mới phương pháp và hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Bộ chuẩn.

2. Truyền thông, hướng dẫn cha mẹ trẻ em, người chăm sóc trẻ về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Vận động các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức, cá nhân phối hợp tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.

2. Hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tuyên truyền của cơ sở giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.

#### **Điều 16. Trách nhiệm của gia đình**

Gia đình có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em phát triển toàn diện theo quy định tại Bộ chuẩn nhằm đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam.





**THUYẾT MINH**

**Về việc xây dựng Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi**

**I. Cơ sở về việc xây dựng Bộ chuẩn phát triển trẻ em (PTTE) 5 tuổi**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo...*” đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: Đổi mới đảm bảo tính hệ thống, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục (GD) từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Gắn GD nhà trường kết hợp với GD gia đình và GD xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển GD... Từ đây có thể thấy, chủ trương nhấn mạnh đến quan điểm “*phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học*”.

Chương trình hành động của Bộ GDĐT thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW đối với GDMN, trong đó nhiệm vụ số 3 nêu rõ: *Rà soát, điều chỉnh Chương trình GDMN bảo đảm thực hiện mục tiêu giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.*

- Luật trẻ em số 102/2016/QH13, tại khoản 2 điều 4 có nêu về *Phát triển toàn diện của trẻ em* là sự phát triển đồng thời về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội của trẻ em. Tại Điều 16. Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu có quy định khoản 1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; 2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh. Điều 9, Điều 44 Quy định trách nhiệm của nhà trường, gia đình, cộng đồng; trách nhiệm của nhà nước và phối hợp liên ngành trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và bảo vệ quyền, bổn phận của trẻ em và Nhà nước có chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi trẻ em được đi học; Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục, bảo đảm công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi trẻ em ...

- Thực hiện Luật GD số 43/2019/QH14 tại Điều 8, khoản 1. Chương trình GD thể hiện mục tiêu GD; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học và Điều 25, khoản 1, điểm b) Quy định yêu cầu cần đạt ở mỗi độ tuổi, các hoạt động GD, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động GD, môi trường GD, đánh giá sự phát triển của trẻ em;

- Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1677/QĐ-TTg về Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025, Bộ GDĐT đã ban hành Quyết định số 1065/QĐ-BGDĐT về Kế hoạch triển khai Đề án, trong đó có nhiệm vụ số 7.1. “Xây dựng chuẩn PTTE mầm non theo độ tuổi”.

## **2. Cơ sở khoa học**

Việc nghiên cứu xây dựng Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi dựa trên một số lý thuyết về sự phát triển của trẻ em và các kết quả nghiên cứu khoa học có liên quan sau đây.

### **2.1. Các lý thuyết về sự phát triển của trẻ mầm non**

#### **2.1.1. Lý thuyết về vùng phát triển gần nhất**

Theo L.X. Vygotsky, trẻ em phát triển trí tuệ thông qua quá trình cùng hoạt động, hợp tác với người lớn và với những trẻ khác. Trong quá trình phát triển này, mỗi trẻ em đều có hai vùng phát triển: (i) Vùng phát triển hiện tại (ZAD): tại mức độ này, các chức năng tâm lý đã đạt độ chín muồi, thể hiện khi trẻ tự mình giải quyết nhiệm vụ không cần giúp đỡ từ bên ngoài và (ii) Vùng phát triển gần (ZPD): tại mức độ này, các chức năng tâm lý đang trưởng thành nhưng chưa chín muồi, thể hiện khi trẻ chỉ hoàn thành được nhiệm vụ thông qua sự hợp tác hay sự giúp đỡ của người khác.

Quan điểm về vùng phát triển gần nhất của L.X. Vygotsky đòi hỏi rằng, khi xây dựng chuẩn phát triển trẻ em, cần phải căn cứ vào các đặc trưng tâm lý của đối tượng chuẩn/ trẻ em ở từng cũng như xác định được một cách tương đối chính xác mức độ phát/ tiến triển đối với các lĩnh vực phát triển liên quan đang được nghiên cứu. Căn cứ này sẽ giúp việc mô tả các chuẩn sát với đặc điểm của đối tượng đang quan tâm/ nghiên cứu. Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi hiện hành về cơ bản vẫn đáp ứng được trên thực tế, tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay một số chuẩn và chỉ số trong chuẩn trở nên dễ hoặc quá dễ đối với trẻ em, mà cần chú ý đến vùng phát triển gần của trẻ<sup>1</sup>.

2.1.2. *Tầm quan trọng của 1000 ngày đầu đời*<sup>2</sup>. Các công trình nghiên cứu về GD trẻ thơ trên thế giới đều cho rằng: Sự phát triển trong những năm đầu đời quyết định tương lai của cả cuộc đời, bởi giai đoạn từ sơ sinh đến tám tuổi và đặc biệt là từ khi sinh ra đến tuổi lên ba là thời điểm quan trọng đối với sự phát triển não bộ của trẻ em. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm Giáo sư Richard Weissbourd (Đại học Harvard) cho thấy có 3 giai đoạn vàng trong quá trình phát triển trí não của trẻ, đó là các giai đoạn: 0 - 3 tuổi, 5 - 7 tuổi và 8 - 10 tuổi. (i) Giai đoạn vàng 0-3 tuổi - là giai

<sup>1</sup> TS Đặng Xuân Cương (2020), Tóm tắt một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quy trình xây dựng chuẩn phát triển trẻ em. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

<sup>2</sup> Báo cáo Unicef “Early moments matter for every child”; Tóm tắt loạt bài của tạp chí The Lancet: Thúc đẩy phát triển trẻ thơ từ khoa học tới nhân rộng quy mô (10/2016)

đoạn trẻ tò mò với thế giới xung quanh và khao khát khám phá sự vật hiện tượng gần gũi. Trẻ nhỏ đặc biệt thích bắt chước hành vi của người khác. Những cử chỉ, hành động, lời nói của người lớn sẽ được ghi nhớ vào não bộ của trẻ, sau đó hình thành nên hành vi của trẻ. Lúc này, não của trẻ có 3 chức năng hoạt động chính: tiếp thu sự mới lạ, lặp lại và cuối cùng là ghi nhớ. Thời gian trẻ ghi nhớ vô cùng nhanh, cao gấp 4 lần so với thời gian ghi nhớ của người ở tuổi trưởng thành; (ii) Giai đoạn vàng 5 - 7 tuổi - Ở độ tuổi này việc tiếp thu và học hỏi cái mới rất nhanh, tuy nhiên trẻ chưa biết phân biệt đúng sai, nên đôi khi học cả điều tốt và điều xấu. Yếu tố xúc cảm, sự hứng thú và ham muốn tìm tòi khám phá thế giới xung quanh gần gũi cần được hình thành từ rất sớm. Nhiệm vụ của người lớn là xây dựng một nền tảng vững chắc đến học tập sớm cho trẻ lứa tuổi mầm non; (iii) Giai đoạn vàng 8 - 10 tuổi - Đây là giai đoạn mà các cảm xúc cạnh tranh, tư duy chiến thắng của trẻ phát triển mạnh mẽ.

Từ học thuyết về giai đoạn vàng trong quá trình phát triển trí não của trẻ, khi xây dựng chuẩn, cần quan tâm đúng mức đến đặc điểm phát triển trong từng giai đoạn, trong đó giai đoạn từ 5-7 tuổi luôn phải quan tâm đến yếu tố cảm xúc, sự hứng thú và ham muốn hiểu biết của trẻ. Trong Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi hiện hành tuy đã chú ý đến yếu tố cảm xúc của trẻ, nhưng vẫn cần quan tâm đến nhận biết cảm xúc, thể hiện và quản lý cảm xúc của bản thân. Mặt khác, Bộ chuẩn còn chưa chú ý nhiều đến xây dựng hứng thú học tập sớm ở trẻ.

*2.1.3. Lý thuyết đa trí tuệ của trẻ MN:* Thuyết đa trí tuệ là một lý thuyết về trí thông minh của con người được nhìn nhận bằng nhiều cách, mang tính đa dạng, được nghiên cứu và công bố bởi tiến sĩ Howard Gardner. Theo Gardner, trí thông minh (intelligence) được ông quan niệm như sau "là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các sản phẩm mà các giải pháp hay sản phẩm này có giá trị trong một hay nhiều môi trường văn hóa" và trí thông minh cũng không thể chỉ được đo lường duy nhất qua chỉ số IQ. Có nhiều dạng trí thông minh, trong đó cơ bản là 8 dạng: thể chất- vận động; không gian- thị giác; âm nhạc- thính giác; toàn- logic; thiên nhiên; giao tiếp; ngôn ngữ; xã hội. Để giải quyết một vấn đề "có thực" trong cuộc sống thì con người không thể huy động duy nhất một mặt trí năng nào đó mà kết hợp các mặt trí năng liên quan với nhau. Sự kết hợp đó tạo thành năng lực cá nhân. Bằng phân tích này H. Gardner đã thể hiện sự đồng tình với các tác giả trên rằng năng lực phải được thể hiện thông qua hoạt động có kết quả và có thể đánh giá hoặc đo đạc được. Đây là những căn cứ để xác định các lĩnh vực phát triển toàn diện (thể chất và vận động; ngôn ngữ và giao tiếp; nhận thức; tình cảm-xã hội và thẩm mỹ) của trẻ em khi xây dựng chuẩn.

## **2.2. Cơ sở khoa học của việc xây dựng Bộ chuẩn theo tiếp cận năng lực**

### **2.2.1. Cấu trúc năng lực và cấu trúc của Bộ chuẩn**

"Năng lực được thể hiện như một hệ thống khả năng, sự thành thạo hoặc những kĩ năng thiết yếu, có thể giúp con người đủ điều kiện vươn tới một mục đích cụ thể". J. Coolahan (Ủy ban châu Âu 1996, p 26) cho rằng: Năng lực được xem như là "những khả năng cơ bản dựa trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm, các giá trị và thiên hướng của một con người được phát triển thông qua thực hành giáo dục". Có thể hiểu: *năng lực là tổ hợp của kiến thức, kỹ năng, thái độ và một số đặc trưng của cá nhân như tố chất, hứng thú, niềm tin... giúp chủ thể giải quyết hiệu quả các vấn đề của cuộc sống*. Có thể cách phát biểu có khác nhau, nhưng các cách hiểu trên đều khẳng định: Nói đến *năng lực* là phải nói đến **khả năng thực hiện**, là phải *biết làm* (know-how), chứ không chỉ *biết và hiểu* (know-what).

Đối với lứa tuổi mầm non *năng lực cần đạt của trẻ mầm non là tổ hợp kiến thức, kĩ năng, thái độ được kết hợp hợp lý giúp trẻ hành động và giải quyết vấn đề trong bối cảnh cụ thể*.

Cấu trúc của năng lực được xem xét theo hướng: cấu trúc năng lực bộ phận và nguồn lực hợp thành. Theo đó mỗi năng lực chung hoặc đặc thù đều được phân tích thành các năng lực bộ phận. Tiếp theo, mỗi năng lực bộ phận lại được phân tích thành các năng lực bộ phận ở bậc thấp hơn, cụ thể hơn, cho đến khi xác định được các hành vi thể hiện ra bên ngoài của chúng – đây là cơ sở để thiết kế Bộ chuẩn theo các cấp độ: Lĩnh vực, chuẩn, chỉ số, chỉ báo; đồng thời năng lực của trẻ năm tuổi thể hiện trong Bộ chuẩn phải đảm bảo liên thông với các năng lực của học sinh phổ thông.

2.2.2. *Lý thuyết về giải thích dựa trên tiêu chí* của Robert Glaser, Nhà tâm lý học người Mỹ (1921 - 2012) đã phát triển khung lý thuyết giải thích dựa trên tiêu chí (criterion-referenced interpretation). Theo đó, thành tích của mỗi trẻ được mô tả thông qua các tiêu chí cũng như mức độ đạt được cụ thể của việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Lý thuyết này giả định rằng, có một đường phát triển liên tục và mỗi cá nhân sẽ được xác định một vị trí và chỉ ra mức độ đạt được của cá nhân trên đường phát triển đó. Đây là cách giúp các nhà khoa học định hướng việc xây dựng các tiêu chuẩn và các tiêu chí trong chuẩn phát triển của trẻ em<sup>3</sup>.

2.2.3. *Mô hình phân loại khoa học các mức độ trí năng* mà người học có thể đạt được của nhà tâm lý GD Benjamin Bloom đã đưa ra (1956). Bloom phân loại mục tiêu GD theo hai lĩnh vực tri thức (cognitive domain) và cảm xúc (affective domain). Theo Bloom, lĩnh vực tri thức được chia thành sáu phạm trù chủ yếu, sắp xếp theo mức độ tăng dần gồm Biết (Knowledge), Hiểu (Comprehension), Ứng dụng (Application), Phân tích (Analysis), Tổng hợp (Synthesis) và Đánh giá (Evaluation). "*Phân loại*

<sup>3</sup> TS Đặng Xuân Cường (2020), Tóm tắt một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quy trình xây dựng chuẩn phát triển trẻ em. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.



*Bloom*'' được dùng như là công cụ quan trọng trong *xây dựng mục tiêu GD, đo lường GD, đặt câu hỏi trong giảng dạy và nghiên cứu, xây dựng và thiết kế bài giảng cũng như hướng dẫn giảng dạy* để đạt mục tiêu đã đề ra. Từ mô hình phân loại của Bloom gợi giúp cho nhà khoa học xây dựng chuẩn và chỉ số cần dựa vào thang này để có thể lượng hóa được mức độ đạt được của người học<sup>4</sup>.

Quá trình phát triển của trẻ trải dài với các mốc khác nhau theo từng lĩnh vực phát triển thể chất; phát triển tình cảm - xã hội; phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; phát triển nhận thức; phát triển thẩm mỹ... Khi xây dựng các chuẩn và chỉ số trong Bộ chuẩn cần phải sử dụng đúng những thuật ngữ phù hợp để có thể lượng hóa được năng lực của trẻ theo thang phân loại của Benjamin Bloom. 2.2.4. So sánh tiếp cận năng lực trong chuẩn học sinh phổ thông và trẻ em năm tuổi MN

Bước sang thế kỉ 21, xã hội phát triển với tốc độ nhanh như vũ bão, cùng với những biến đổi liên tục và khôn lường. Để chuẩn bị cho thế hệ trẻ đối mặt và đứng vững trước những thách thức của đời sống, ngày nay giáo dục của các quốc gia chú trọng và quan tâm đầu tư hơn bao giờ hết. Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi đóng vai trò quan trọng làm kim chỉ nam cho việc đổi mới Chương trình giáo dục bởi “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi là những tuyên bố thể hiện sự mong đợi về những gì trẻ nên biết và có thể làm được”. Cũng chính từ Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi để xây dựng hệ thống kết quả đầu ra/ kết quả mong đợi của quá trình giáo dục. Do đó, Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi được xác định xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực, làm căn cứ cho việc đổi mới Chương trình giáo dục mầm non mới. Xu thế xây dựng chuẩn phát triển trẻ em và thiết kế chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực được khá nhiều quốc gia quan tâm, vận dụng.

Đối chiếu và so sánh giữa định hướng năng lực và giá trị của GDMN với GD phổ thông, cho thấy có sự liên thông trong định hướng quá trình giáo dục ở Việt Nam.

**Bảng so sánh tính liên thông các giá trị và năng lực của GDMN và GDPT**

| Nội dung    | GDMN                                                                                                                             |                                                    | GDPT                                                                                                                                             |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | Nội dung                                                                                                                         | Lĩnh vực thể hiện                                  |                                                                                                                                                  |
| Các giá trị | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu thương</li> <li>+ Tôn trọng</li> <li>+ Trung thực</li> <li>+ Trách nhiệm</li> </ul> | Được thể hiện qua các lĩnh vực giáo dục phát triển | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Yêu nước</li> <li>+ Nhân ái</li> <li>+ Chăm chỉ</li> <li>+ Trung thực</li> <li>+ Trách nhiệm</li> </ul> |

<sup>4</sup> Dương Trọng Tấn - Sơ bộ về các lý thuyết của Bloom, Dreyfus và Kolb

|                         |                                                                                                                                                                                    |                                                                      |                                                                                                                    |
|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các năng lực chung      | + Tự chủ và tự học                                                                                                                                                                 | Lĩnh vực tiếp cận với việc học                                       | + Tự chủ và tự học                                                                                                 |
|                         | + Giao tiếp                                                                                                                                                                        | Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ; lĩnh vực tình cảm và quan hệ xã hội    | + Giao tiếp và hợp tác                                                                                             |
|                         | + Thích ứng                                                                                                                                                                        | Lĩnh vực phát triển thể chất                                         | + Giải quyết vấn đề                                                                                                |
|                         | + Sáng tạo                                                                                                                                                                         | Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ; Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ            | và sáng tạo                                                                                                        |
|                         | + Hợp tác                                                                                                                                                                          | Lĩnh vực tiếp cận với việc học; Lĩnh vực tình cảm và quan hệ xã hội; |                                                                                                                    |
|                         | + Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề                                                                                                                                            | Lĩnh vực tiếp cận với việc học;                                      |                                                                                                                    |
| Các năng lực chuyên môn | + Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp<br>+ Phát triển nhận thức<br>+ Phát triển thể chất<br>+ Phát triển thẩm mỹ<br>+ Phát triển Tình cảm và quan hệ xã hội<br>+ Tiếp cận đến học tập | Các lĩnh vực phát triển của trẻ em                                   | + Ngôn ngữ<br>+ Tính toán<br>+ Tin học<br>+ Thể chất<br>+ Thẩm mỹ<br>+ Công nghệ<br>+ Tìm hiểu tự nhiên và xã hội. |

Từ bảng so sánh có thể thấy các giá trị và năng lực chung, năng lực chuyên môn giữa GDMN và GDPT có những điểm tương đồng để phát triển ở cá nhân trẻ em.

### 3. Cơ sở thực tiễn

#### 3.1. Các chuẩn phát triển trẻ em trên thế giới

3.1.1. Xu hướng nghiên cứu và xây dựng “Chuẩn học tập và phát triển trẻ em” (Early learning and development Standards) của các nước trên thế giới.

Để thực hiện việc xây dựng Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, nhóm biên soạn đã nghiên cứu 39 chuẩn học tập và phát triển trẻ em của các nước Châu Âu, Mỹ, Úc và Châu Á (Phụ lục 1). Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy chuẩn phát triển trẻ em của các nước có một số đặc điểm sau:

Bộ chuẩn - Tên chuẩn các nước thường sử dụng là: “Chuẩn học tập và phát triển sớm” (Early Learning and Development Standards) hay “Chuẩn học tập sớm” (Early Learning Standards) để khẳng định việc học của trẻ em mầm non, đúng như Jean Piaget - nhà tâm lý học Thụy Sĩ nổi tiếng khẳng định: "Trẻ em kiến tạo nên hiểu

biết của riêng chúng về thế giới và trẻ nhỏ học tốt nhất khi tự tạo ra việc học tập của riêng mình". Trẻ em là những người học chủ động thông qua các hoạt động yêu thích. Chỉ một số ít nước gọi tên "Chuẩn phát triển sớm" (Early development standards). Đây là xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới quan niệm về chuẩn đối với trẻ. Các tiêu chuẩn được xây dựng và phát triển thành "Bộ tiêu chuẩn" – gồm các tiêu chuẩn cho từng độ tuổi từ khi sinh đến khi bước vào lớp 1 (từ 0 đến 6 tuổi); một số nước xây dựng Bộ chuẩn cho trẻ đến 8 tuổi. Phần lớn, vai trò của người lớn là xây dựng một môi trường học tập với các hoạt động phù hợp để trẻ học qua chơi, khám phá và thực hành, giáo viên không phải là người dạy trẻ, không coi trẻ em là người học thụ động.

- "Bộ chuẩn học tập và phát triển sớm" ở các nước được xem xét, điều chỉnh/ hay xây dựng lại theo chu kì (có thể hàng năm điều chỉnh) hoặc sau 5 năm tiến hành xây dựng các tiêu chuẩn mới cho phù hợp với bối cảnh thay đổi của thực tiễn giáo dục. Việc xây dựng chuẩn mới đều căn cứ, chọn lựa những điểm mạnh của chuẩn hiện hành và điều chỉnh bổ sung những điểm mới cho phù hợp với giáo dục mầm non của từng nước.

- Mục đích xây dựng chuẩn của các nước: "Bộ chuẩn học tập và phát triển sớm" được sử dụng làm căn cứ để xây dựng chương trình GDMN quốc gia và phát triển chương trình GDMN nhà trường (đây là 2 cấp độ khác nhau của chương trình). Từ Bộ tiêu chuẩn, các nhà giáo dục xây dựng kết quả mong đợi trong chương trình khung GDMN để các nhà trường có căn cứ phát triển chương trình GDMN theo định hướng, tầm nhìn, mục tiêu, nội dung, phương pháp... giáo dục của nhà trường. Ngoài ra, Bộ chuẩn còn là công cụ theo dõi, Bộ chuẩn đánh giá sự phát triển của các nhóm trẻ, dựa trên kết quả đó nhà trường phát triển chương trình giáo dục mầm non; tổ chức phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên mầm non; phát triển tài liệu tuyên truyền cho các bậc cha mẹ (người nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ) và đề xuất chính sách phát triển trẻ thơ và phát triển GDMN trên phạm vi cộng đồng, địa phương. Các nội dung của chuẩn và tiêu chí được xây dựng theo quan niệm "là những mong đợi/ kì vọng về những điều mà trẻ em biết và có thể làm được".

- Cấu trúc "Bộ chuẩn học tập và phát triển sớm" của các nước: Cấu trúc tương đối giống nhau, bao gồm lĩnh vực, tiểu lĩnh vực, chuẩn và chỉ số. Tuy nhiên, số lượng lĩnh vực, tiểu lĩnh vực, chuẩn và chỉ số không giống nhau, mà tùy thuộc vào quan điểm xây dựng của từng nước, phù hợp với văn hóa, bối cảnh của từng nước. Song có một điều đáng lưu tâm, đó là nội dung của Chuẩn của các nước đề cập nhiều đến các lĩnh vực: Phát triển thể chất; Phát triển cảm xúc – quan hệ xã hội; Phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; Phát triển nhận thức; Phát triển thẩm mỹ và Tiếp cận với việc học (đây là điểm mới và khác so với chuẩn phát triển trẻ em hiện hành của Việt Nam). Cũng có

một số nước các lĩnh vực được chia theo lĩnh vực phát triển của trẻ hoặc theo nội dung học tập.

### 3.1.2. Thang đánh giá phát triển trẻ thơ khu vực Đông Á-TBD (EAP-ECDS).

Nghiên cứu đã khẳng định 8 năm đầu đời của trẻ được định hình thông qua sự phát triển nhanh của não bộ và sự phát triển các năng lực cơ bản khiến cho thời thơ ấu là giai đoạn đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân. Thang đánh giá là Bộ trắc nghiệm tâm lý nghiêm túc đầu tiên có bối cảnh cụ thể về phát triển trẻ thơ được xây dựng cho trẻ từ 3 - 5 tuổi khu vực Đông Á-Thái Bình Dương. Thang đánh giá đảm bảo tính toàn diện về các mặt của trẻ em bao gồm các chỉ số trên 7 lĩnh vực phát triển: Nhận thức; cảm xúc xã hội; vận động; ngôn ngữ và khả năng tiền đọc, viết; sức khỏe, vệ sinh và an toàn; kiến thức văn hóa và sự tham gia; tiếp cận với việc học.

Bộ thang đánh giá đầy đủ gồm 85 bài tập được xây dựng từ 1.738 chỉ số trích từ Bộ chuẩn phát triển và học tập giai đoạn đầu đời thông qua các cuộc kiểm tra thực tế tại 3 nước Đông Á và đã được kiểm nghiệm tại 7 nước đại diện trong khu vực. Bộ thang đánh giá tóm tắt (33 bài tập) được xây dựng dựa trên phân tích thống kê bởi điểm kiểm tra của trẻ em từ bảng đánh giá đầy đủ.

Đội ngũ chuyên gia trong nhóm biên soạn đã khai thác những điểm mạnh của Thang đánh giá phát triển trẻ thơ khu vực Đông Á-Thái Bình Dương để vận dụng vào quá trình xây dựng Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi (mới), đó là (i) Trắc nghiệm tâm lý phù hợp với lứa tuổi của trẻ và đáng tin cậy; (ii) Thích nghi hóa với bối cảnh của Việt Nam trên nền chung với các nước; (iii) Đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ; (iv) Dễ sử dụng và quản lý.

### 3.1.3. Bộ chuẩn học tập và phát triển sớm dành cho trẻ em từ 0-7 tuổi (Unicef, 2014)<sup>5</sup>

Tài liệu *Chuẩn học tập và phát triển sớm* dành cho trẻ em từ 0-7 tuổi của Unicef dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm triển khai ở nhiều quốc gia đã đưa ra những định hướng trong xây dựng và sử dụng Chuẩn học tập và phát triển trẻ em từ 0-7 tuổi. Tài liệu khẳng định “*Mục tiêu chính của việc phát triển chuẩn trẻ em là tạo ra một nền tảng tham chiếu chung cho tất cả các dịch vụ phát triển tuổi thơ (sức khỏe, bảo vệ và GD) để tiếp cận trẻ với cùng một quan điểm tích hợp. Chuẩn trẻ em phản ánh một quan điểm nhất định về đứa trẻ và sự phát triển của nó. Áp dụng các tiêu chuẩn nhằm cải thiện dịch vụ cho trẻ thơ cũng như sự tiến bộ của trẻ sẽ đạt được*”. Bộ chuẩn được xây dựng giúp:

a. Cải thiện GD sớm từ nhà trẻ đến mẫu giáo;

<sup>5</sup> Early Learning and Development Standards for children from birth to 7 years old, Unicef, Unite for children (2014)



- b. Cải thiện Chương trình GDMN cho trẻ em từ sơ sinh đến 7 tuổi;
- c. Cải thiện công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trước và sau hành nghề;
- d. Phát triển và cải thiện các Chương trình GD cha mẹ;
- đ. Đánh giá và cải tiến Chương trình GDMN;
- e. Nâng cao kiến thức và nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc GD sớm;
- g. Tạo ra một quá trình tích hợp thường xuyên giữa chăm sóc với GD trẻ để đạt được sự thành công trong học tập và cuộc sống sau này.

Việc xác định các lĩnh vực phát triển thể hiện các giá trị và cách người lớn chuẩn bị cho con em mình trong tương lai. Các giá trị làm nền tảng cho các lĩnh vực phát triển được nêu gồm: tính cá nhân/sự đa dạng/sự phát triển toàn diện của trẻ, hạnh phúc, sức khỏe, tính liên văn hóa, sự tự kiểm soát, lòng tự trọng, sự độc lập, nhân phẩm, bản sắc, sự sáng tạo, trách nhiệm, sự ổn định nội tại, quan tâm đến môi trường sống, đoàn kết vì cộng đồng.

Xác định nội dung của chuẩn học tập và phát triển trẻ em dựa trên 8 nguyên tắc:

(1) Nội dung của chuẩn học tập và phát triển nên phù hợp với lứa tuổi, có tính đến sự khác biệt của từng cá nhân về tốc độ phát triển của trẻ. Trẻ em thường tiến bộ qua các giai đoạn phát triển tương tự, nhưng với tốc độ riêng. Tất cả trẻ em trong một độ tuổi không nên được kỳ vọng đạt được các tiêu chuẩn giống nhau vào cùng một thời điểm.

(2) Chuẩn học tập và phát triển công nhận rằng trẻ nhỏ là những người học tích cực; các em học thông qua chơi, tham gia tích cực, khám phá và sử dụng các giác quan của mình. Chuẩn học tập và phát triển nên nhận ra rằng trẻ em phải được tiếp xúc với các cơ hội học tập phong phú dưới nhiều hình thức khác nhau và thông qua nhiều bối cảnh.

(3) Nội dung của Chuẩn học tập và phát triển cần thừa nhận rằng việc học tập và phát triển sớm là đa chiều và tất cả các lĩnh vực phát triển đều có mối liên hệ với nhau. Cần xem xét tất cả các lĩnh vực vì việc học tập và phát triển của trẻ em có nhiều mặt, xảy ra đồng thời giữa các lĩnh vực.

(4) Nội dung của Chuẩn học tập và phát triển thừa nhận vai trò quan trọng của gia đình, cộng đồng và môi trường đối với sự phát triển của trẻ nhỏ. Tất cả trẻ em học tập và phát triển trong bối cảnh tương tác và mối quan hệ với những người chăm sóc, cộng đồng và môi trường của chúng.

(5) Chuẩn học tập và phát triển là phổ quát và nên được phát triển cho tất cả trẻ em, bất kể sự khác biệt về văn hóa, tình trạng kinh tế xã hội, tình trạng khuyết tật và những thách thức về thể chất và học tập. Chuẩn học tập và phát triển nên xem xét sự đa dạng này và tạo điều kiện phù hợp với bản chất độc đáo của việc học tập và phát triển của mỗi đứa trẻ. Hầu hết trẻ em đều có khả năng đáp ứng tiêu chuẩn phù hợp với lứa tuổi này nếu được đảm bảo hỗ trợ và kích thích thích hợp.

(6) Nội dung của Chuẩn học tập và phát triển thừa nhận và tôn trọng di sản văn hóa và sự khác biệt về ngôn ngữ của trẻ em. Tầm quan

trọng của nguồn gốc đa dạng và di sản văn hóa của trẻ em nên được đưa vào các tiêu chuẩn. (7) Chuẩn học tập và phát triển thừa nhận rằng ngay từ khi còn nhỏ, trẻ em có được các kỹ năng từ nhiều phương pháp giảng dạy, vì vậy chúng cần được cung cấp các môi trường học tập đa dạng. (8) Nội dung của Chuẩn học tập và phát triển cần dựa trên các nghiên cứu và thực nghiệm. Vì Chuẩn học tập và phát triển được sử dụng để tối đa hóa sự phát triển của các chương trình giáo dục và trải nghiệm giáo dục của trẻ nhỏ, nên chuẩn cần được dựa trên kiến thức đáng tin cậy, chặt chẽ và thực tế về sự phát triển của trẻ và gia đình.

Thực hiện chuẩn trong thực tiễn GDMN tuân thủ 6 nguyên tắc: 1) Hạnh phúc của trẻ em và sự tôn trọng đối với gia đình nên được ưu tiên cao nhất trong việc thực hiện Chuẩn học tập và phát triển; Gia đình là giáo viên, người chăm sóc và người ra quyết định đầu tiên, quan trọng nhất và suốt đời của con cái họ. Sự tham gia của gia đình là cần thiết để thực hiện Chuẩn học tập và phát triển. 2) Chuẩn học tập và phát triển nên được sử dụng để tăng cường sự phát triển của trẻ em, thiết kế chương trình mầm non và thực hành gia đình. Bộ chuẩn không nên được coi là công cụ để chỉ trích, loại trừ hoặc trừng phạt trẻ em, giáo viên, chương trình, gia đình hoặc cộng đồng; 3) Chuẩn học tập và phát triển nên được sử dụng một cách thận trọng và cho các mục đích cụ thể mà chúng được phát triển. Chuẩn đang được phát triển để các gia đình và những người làm việc với trẻ em sử dụng. 4) Chuẩn học tập và phát triển nên được xem xét và cập nhật ít nhất 5 năm một lần để đảm bảo luôn phù hợp; Cần thiết lập một quy trình để xem xét và sửa đổi định kỳ. 5) Việc triển khai Chuẩn học tập và phát triển nên được đánh giá để đảm bảo các gia đình, cơ sở giáo dục mầm non và cộng đồng sử dụng phù hợp. Kết quả đánh giá sẽ giúp cho việc sử dụng và triển khai Bộ chuẩn tốt hơn. 6) Cần phân bổ đầy đủ các nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo việc sử dụng và triển khai Chuẩn học tập và phát triển một cách tối ưu. Các gia đình, người chăm sóc, giáo viên và những người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ nên được đào tạo về cách sử dụng Chuẩn học tập và phát triển một cách thích hợp.

Đội ngũ chuyên gia trong nhóm biên soạn có kế thừa, học hỏi từ các kết quả nghiên cứu được đúc kết trong tài liệu này từ quan điểm về việc học và sự phát triển của trẻ, mục đích của Bộ chuẩn, cách lựa chọn các lĩnh vực trong Bộ chuẩn, xây dựng nội dung Bộ chuẩn cũng như định hướng trong sử dụng Bộ chuẩn.

### ***3.2. Đánh giá việc sử dụng Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi tại các cơ sở GDMN***

Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 7 năm 2010. Đây là kết quả nghiên cứu khoa học có tính ứng dụng thực tiễn cao dưới sự chỉ đạo của Bộ GDĐT (xây dựng Bộ chuẩn là một nhiệm vụ trong Đề án phát triển GDMN số 149/2006/QĐ-TTg), sự điều phối hoạt động của Vụ GDMN, sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của tổ chức UNICEF

(các chuyên gia GDMN của UNICEF New York, của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương) và kinh nghiệm của các nước trong Dự án Toàn cầu.

Bộ chuẩn được xây dựng nhằm mục đích nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non ở Việt Nam trong các cơ sở GDMN, gia đình và cộng đồng; nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non, đồng thời, làm căn cứ để xây dựng chính sách quốc gia về chăm sóc, giáo dục trẻ thơ, cũng như công cụ giám sát chất lượng phát triển của trẻ em mầm non.

Bộ chuẩn đã thể hiện được các kỳ vọng mang tính quốc gia và văn hoá về những điều mà trẻ em năm tuổi biết và có thể làm được. Bộ chuẩn được xây dựng trên cơ sở khoa học vững chắc, đó là:

- (1) Cơ sở lý luận về Chuẩn phát triển và xây dựng Chuẩn phát triển trẻ em
- (2) Kết quả nghiên cứu về sự phát triển của trẻ em năm tuổi của Việt Nam và thế giới.
- (3) Kết quả đánh giá tính xác thực về nội dung của Bộ chuẩn và độ tuổi của trẻ em năm tuổi ở Việt Nam.

Nội dung của Bộ chuẩn được thể hiện ở 4 lĩnh vực, 28 chuẩn và 120 tiêu chí bao trùm khá toàn diện các lĩnh vực phát triển của trẻ. Các chỉ số được phân bố tương đối đồng đều trong các lĩnh vực, phản ánh khá chính xác nội dung các chuẩn và các lĩnh vực phát triển của trẻ.

Quá trình xây dựng Bộ chuẩn được thực hiện một cách khoa học, công phu, nghiêm túc qua các bước: (1) Xác định các khái niệm và phạm trù cơ bản của Bộ chuẩn (2) Xây dựng dự thảo Bộ chuẩn (3) Đánh giá tính xác thực (về nội dung và độ tuổi) của dự thảo Bộ chuẩn và điều chỉnh nhiều lần để hoàn thiện. Trong mỗi bước nói trên đều có sự học hỏi kiến thức và kinh nghiệm của các chuyên gia quốc tế về xây dựng Chuẩn phát triển, sự nỗ lực nghiên cứu của đội ngũ nhà khoa học có hiểu biết sâu sắc về trẻ thơ từ nhiều cơ quan khác nhau trong toàn quốc, sự góp ý của đông đảo các nhà quản lý, đội ngũ GVMN, đặc biệt, sự tham gia của cha, mẹ trẻ và trẻ em năm tuổi ở Việt Nam.

Theo thời gian Bộ chuẩn cũng không tránh khỏi những bất cập so với mong đợi ngày càng cao của xã hội, với sự phát triển đa dạng và mạnh mẽ theo “gia tốc” của trẻ em năm tuổi ở Việt Nam. Vì thế, từ chính trong quá trình xây dựng cũng đã đặt ra yêu cầu cần được đánh giá lại và cập nhật (ít nhất có thể là 5 năm một lần) để đảm bảo Bộ chuẩn phù hợp hơn với thực tiễn phát triển của trẻ năm tuổi ở Việt Nam.

Sau khi Bộ chuẩn PTTENT được ban hành, Bộ GDĐT đã có sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời cho các cơ sở GDMN (ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện điểm 7 tỉnh, mở rộng 48 tỉnh và đại trà từ năm học 2014-2015, biên soạn tài liệu Hướng dẫn, tổ chức tập huấn bồi dưỡng, đưa vào Hướng dẫn nhiệm vụ năm học,

tổ chức các đợt kiểm tra định kì, hỗ trợ kỹ thuật...). CBQL các cấp Sở, Phòng GDĐT, cơ sở GDMN và đội ngũ GVMN được tham gia tập huấn về nội dung hướng dẫn sử dụng Bộ chuẩn và cách xây dựng bộ công cụ. Giáo viên dạy lớp MG năm tuổi được cung cấp tài liệu hướng dẫn và từng bước thực hiện Bộ chuẩn PTTENT đầy đủ. Sở GDĐT các địa phương đã chỉ đạo các phòng GDĐT xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế; phòng GDĐT hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở GDMN tổ chức triển khai thực hiện; các trường mầm non, trường mẫu giáo và lớp mẫu giáo độc lập triển khai sử dụng phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp.

Kết quả đánh giá sử dụng Bộ chuẩn trong thời gian qua cho thấy:

*a) Ưu điểm*

- Bộ chuẩn PTTENT năm tuổi ban hành năm 2010 thể hiện quan điểm về quyền trẻ em, đảm bảo tất cả trẻ em đều được tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ giáo dục mầm non.

- Sau hơn 10 năm thực hiện, CBQL và GVMN đều đánh giá cao vai trò của Bộ chuẩn với 28 chuẩn, 120 chỉ số thể hiện rõ ràng, cụ thể, hỗ trợ CBQL và GVMN trong việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và đánh giá sự phát triển của trẻ năm tuổi trong thực hiện Chương trình GDMN, góp phần nâng cao chất lượng cho trẻ năm tuổi chuẩn bị vào lớp 1.

- Các cơ sở GDMN sử dụng Bộ chuẩn, làm tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau, phát huy hiệu quả sự tham gia tích cực hướng dẫn các bậc cha mẹ và cộng đồng trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

*b) Một số bất cập/hạn chế:*

- Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của đất nước trong suốt những năm qua đã có những tác động đến sự thay đổi, phát triển của GD đồng thời ảnh hưởng lớn đến yêu cầu mới đối với trẻ em, trong đó có trẻ em năm tuổi.

- Bộ chuẩn PTTENT năm tuổi (2010) ra đời sau Chương trình giáo dục mầm non (2009) nên đã giảm đi vai trò của Bộ chuẩn là căn cứ để xây dựng Chương trình; kết quả mong đợi của từng độ tuổi trong Chương trình giáo dục mầm non chưa dựa vào Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

- Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi được ban hành năm 2010 còn nhiều chuẩn và chỉ số diễn đạt theo cách đo lường kiến thức và kỹ năng đơn lẻ.

- Khi xây dựng và ban hành Bộ chuẩn, cần có bộ công cụ hướng dẫn đánh giá sự phát triển của trẻ đáp ứng Bộ chuẩn.

- Việc sử dụng Bộ chuẩn hiện nay chủ yếu có hiệu quả trong phạm vi trường lớp, mầm non. Mặc dù cha mẹ trẻ đánh giá cao vai trò của Bộ chuẩn trong sự hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình nhưng một số cha mẹ trẻ cho rằng Bộ chuẩn là nhiệm vụ của GV và trường MN, còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Kết quả khảo sát đánh giá khả năng của trẻ năm tuổi trong thực hiện Bộ chuẩn năm tuổi hiện hành được Vụ GDMN triển khai năm 2021 đã cho thấy thực tế đòi hỏi cần có Bộ chuẩn mới phù hợp hơn với sự phát triển của trẻ em năm tuổi hiện nay: Nghiên cứu lấy ý kiến đánh giá của 30.934 GVMN dạy lớp năm tuổi tại 7 vùng kinh tế xã hội và đánh giá trực tiếp 280 trẻ năm tuổi tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thái Bình. Theo đánh giá của GV thì hầu hết các chuẩn, chỉ số ở mức độ dễ với trẻ năm tuổi, chỉ có 2 chỉ số có độ khó với trẻ. Kết quả đánh giá trực tiếp trên trẻ cho thấy phần lớn các chỉ số (59 chỉ số) ở mức dễ, 15 chỉ số tương đối khó và 4 chỉ số ở mức khó với trẻ năm tuổi tại các địa phương này.

Trong giai đoạn tới, việc xây dựng Bộ chuẩn cần thực hiện tốt hơn các mục đích sử dụng Bộ chuẩn; khắc phục những hạn chế của Bộ chuẩn hiện hành, đồng thời định hướng cho việc xây dựng CT GDMN mới.

Từ những căn cứ trên, Vụ GDMN đã đề xuất thực hiện xây dựng và ban hành Thông tư mới thay thế Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 22/7/2010 quy định về Bộ Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi.

## **II. Mục đích của Bộ chuẩn**

1. Bộ chuẩn định hướng về sự phát triển của trẻ em năm tuổi, giúp các nhà quản lý, nhà giáo dục, cha mẹ trẻ em và các tổ chức, cá nhân liên quan hiểu rõ về khả năng, mức độ đạt được của trẻ em năm tuổi.

2. Bộ chuẩn làm cơ sở xác định kết quả mong đợi ở trẻ trong xây dựng Chương trình giáo dục mầm non.

3. Bộ chuẩn làm căn cứ để tham vấn xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non, địa phương và quốc gia.

## **III. Quá trình xây dựng Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi và dự thảo Thông tư**

Việc xây dựng “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” thể hiện nỗ lực to lớn để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non trong thời kỳ mới. Các tiêu chuẩn trong “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” được thiết kế cho tất cả trẻ em Việt Nam, bất kể giới tính, dân tộc, tình trạng kinh tế xã hội, sự đa dạng văn hóa, và nhu cầu đặc biệt của cá nhân. Các tiêu chuẩn này nhằm tạo cơ hội khuyến khích sự phát triển tối ưu thông qua môi trường giáo dục và cơ hội học tập của trẻ em. Đặc tính toàn diện của “Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” giúp mọi người có thể hiểu hơn về những năng lực và giá trị, sự sẵn sàng của trẻ đến học tập và phát triển.

Những tiêu chuẩn này có thể được sử dụng với bất kỳ ai quan tâm đến công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nói chung và trẻ em năm tuổi nói riêng, gồm: cha mẹ của trẻ hay người chăm sóc, nuôi dưỡng, người giám hộ, nhà giáo dục, bác sĩ nhi khoa, chuyên gia giáo dục mầm non, các nhà khoa học, các nhà hoạch



định chính sách và người thực hiện các chính sách giáo dục, cũng như các tác nhân khác tham gia vào công tác giáo dục mầm non.

“Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, cũng như dựa trên các tiêu chuẩn của trẻ em nước ngoài, cụ thể như sau:

### ***1. Năm 2021. Giai đoạn khởi thảo.***

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 410/ KH-BGDĐT ngày 23/4/2021 triển khai nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi và thành lập nhóm 50 chuyên gia thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, một số trường Cao đẳng, Đại học, Vụ GDMN và chuyên gia GDMN. Họp triển khai Kế hoạch và định hướng lớn xây dựng dự thảo Bộ chuẩn.

- Đánh giá thực hiện chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi hiện hành: (1) Khảo sát online lấy ý kiến 30.934 giáo viên mầm non trên toàn quốc đang dạy các lớp mẫu giáo năm tuổi và (2) Khảo sát đánh giá trực tiếp trẻ năm tuổi (vùng thuận lợi và khó khăn) thông qua các hoạt động, trò chơi, bài tập..., khảo sát cha mẹ/người trực tiếp chăm sóc trẻ. Tổng hợp, phân tích kết quả, xây dựng báo cáo kết quả khảo sát về Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi (Phụ lục kèm theo).

- Nghiên cứu so sánh và phân tích “Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi” (hiện hành) và “Chuẩn học tập và phát triển sớm” của các nước trên thế giới (châu Âu, Châu Mỹ, Úc, châu Á...) (Phụ lục kèm theo). Xác định các “mong đợi mới” đối với sự phát triển của trẻ em năm tuổi và khuyến nghị cho Bộ chuẩn năm tuổi mới.

- Nghiên cứu và xây dựng 04 Dự thảo Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi và Tổ chức 03 Hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia cho các Dự thảo trên.

- Dự thảo 1. “Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi”. Cấu trúc: 5 lĩnh vực (4 lĩnh vực cũ và 1 lĩnh vực mới - Tiếp cận đến việc học). Trong mỗi lĩnh vực có các tiểu lĩnh vực, số lượng tiểu lĩnh vực tùy vào đặc điểm của lĩnh vực - 51 chuẩn - 228 chỉ số. Các chuẩn cố gắng thể hiện năng lực thực hiện của trẻ, có thể lượng hóa bằng khả năng làm của trẻ (dựa theo Thang Bloom), hạn chế việc trẻ nói (kể, gọi tên...) mà trẻ phân biệt/phân loại.

- Dự thảo 2. “Chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi”. Cấu trúc: 5 Lĩnh vực – các Tiểu lĩnh vực - 34 chuẩn - 140 chỉ số và Hội thảo tham vấn chuyên gia (Ngày 08/12 với 60 chuyên gia và đại biểu)

- Dự thảo 3. “Chuẩn học tập phát triển trẻ em năm tuổi” và tham vấn nhóm chuyên gia điều chỉnh Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi. Cấu trúc 6 lĩnh vực, 15 Tiểu lĩnh vực, 35 chuẩn và 131 chỉ số (Ngày 21/12 với 40 chuyên gia và đại biểu).



- Dự thảo 4: “Chuẩn học tập phát triển trẻ em năm tuổi”. Cấu trúc: 1 nhóm Năng lực chung và 5 nhóm năng lực chuyên biệt; 17 Tiêu LV, 46 chuẩn và 157 chỉ số (Ngày 31/12/2021-Sản phẩm kết thúc năm 2021)

## **2. Năm 2022. Giai đoạn biên soạn và thử nghiệm**

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 229/KH-BGDĐT triển khai nhiệm vụ xây dựng Thông tư, thành lập nhóm (24) chuyên gia soạn thảo chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi.

- Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng Thông tư Quy định về chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi theo Quyết định số 656/QĐ-BGDĐT.

- Tiếp tục xây dựng 06 Dự thảo (kèm theo Bộ công cụ); Tổ chức nhiều cuộc họp và 04 hội thảo tham vấn, nghiệm thu, thử nghiệm Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi.

- Dự thảo 5: Nhóm tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, họp thống nhất. Cấu trúc gồm: 6 lĩnh vực, 12 tiểu lĩnh vực, 30 chuẩn và 79 chỉ số và Tọa đàm ngày 06/4/2022 góp ý DT 5. Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi (Tham vấn chuyên gia và đại biểu trước khi XD Bộ công cụ thử nghiệm).

- Dự thảo 6: Xây dựng Bộ công cụ thử nghiệm chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi mới. Cấu trúc gồm: 6 lĩnh vực, 12 tiểu lĩnh vực, 28 chuẩn 79 chỉ số và các chỉ báo, Căn cứ/lí giải cụ thể, từ đó xây dựng phương án/hướng dẫn thực hiện thử nghiệm bao gồm: Tên chỉ số/ mục đích đo, Phương án đo, Đồ dùng, dụng cụ, Cách tiến hành và Tiêu chí chấm điểm. Tiến hành thử nghiệm (diện hẹp) bộ công cụ đánh giá trẻ theo chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi tại tỉnh Cao Bằng (từ ngày 10-13/5/2022). Tổng hợp kết quả thử nghiệm diện hẹp, xây dựng báo cáo và điều chỉnh Dự thảo Bộ chuẩn và bộ công cụ.

- Dự thảo 7. Cấu trúc gồm: 6 lĩnh vực, 12 tiểu lĩnh vực, 28 chuẩn 78 chỉ số và các chỉ báo và Hội thảo 10/6/2022 tham vấn chuyên gia góp ý Bộ công cụ và điều chỉnh, hoàn thiện Bộ công cụ (các vòng hội thảo nội bộ của nhóm Tác giả, hội thảo chuyên gia, xin ý kiến của 17 chuyên gia, hội thảo có thêm CBQL, GVMN ở một số địa phương).

- Dự thảo 8. Nghiệm thu Bộ công cụ thử nghiệm chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi. Cấu trúc 6 lĩnh vực, 22 chuẩn và 69 chỉ số.

- Dự thảo 9. Hoàn thiện Bộ công cụ sau nghiệm thu. Cấu trúc của Bộ chuẩn, gồm: 6 lĩnh vực, 22 chuẩn và 68 chỉ số.

- Xây dựng tài liệu và tiến hành Tập huấn thử nghiệm Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi (sử dụng Bộ công cụ và thống nhất quy trình thử nghiệm, cách đánh giá các chỉ số)

- Tập huấn ngày 17/8/2022 về thử nghiệm Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi cho nhóm chuyên gia trung ương và 12 sở GD&ĐT.

- Dự thảo 10. Tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Bộ chuẩn, công cụ và thử nghiệm Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi tại 6 tỉnh/TP đại diện 6 vùng kinh tế, xã hội (Hà Nội, Tiền Giang,

Quảng Bình, Gia Lai, Bình Dương, Lào Cai): (1) Tập huấn Online và Tập huấn trực tiếp hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật thử nghiệm cho từng tỉnh, thành phố. (2) Thực hiện thử nghiệm theo quy trình, giám sát quá trình thử nghiệm và viết báo cáo thử nghiệm từng tỉnh, thành phố.

Sau các lần tổ chức xin ý kiến và hoàn thiện, Bộ chuẩn được thử nghiệm qua các vòng. Kết quả của đợt thử nghiệm này đã giúp cho Ban biên soạn cùng các chuyên gia có cơ sở vững chắc hơn trong việc chỉnh sửa và hoàn thiện Bộ chuẩn. Dữ liệu thử nghiệm đã được phân tích dựa trên lý thuyết trắc nghiệm cổ điển và lý thuyết đáp ứng câu hỏi, trong đó phân tích ở 03 cấp độ khác nhau, bao gồm cấp độ chỉ báo, cấp độ chỉ số, và cấp độ lĩnh vực. Đây là các lý thuyết được sử dụng rộng rãi nhằm đưa ra được các thông tin chính xác nhất có thể dựa trên dữ liệu nhằm giúp các chuyên gia có cơ sở để chỉnh sửa và hoàn thiện Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi. Qua kết quả phân tích các đợt thử nghiệm đối với Bộ chuẩn mới, có thể thấy rằng các chỉ báo và chỉ số trong Bộ chuẩn đã phân bổ tương đồng với nhóm trẻ và có độ khó từ thấp đến cao, trong đó độ khó của nhiều chỉ số/chỉ báo tập trung ở mức độ trung bình (Phục lục kèm theo).

### ***3. Năm 2023. Giai đoạn hoàn thiện, thẩm định và ban hành***

- Ban hành Kế hoạch số 463/KH-BGDDĐT ngày 28/3/2023 triển khai nhiệm vụ soạn thảo Thông tư.

- Ban hành Quyết định số 883/QĐ-BGDDĐT ngày 28/3/2023 về việc kiện toàn Ban soạn thảo. Tổ biên tập xây dựng Thông tư, có 35 thành viên, Thứ trưởng Ngô Thị Minh làm Trưởng ban, các thành viên thuộc Vụ GDMN, Vụ Pháp chế, Giáo dục Tiểu học, Thể chất, Cục Quản lý chất lượng, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Viện Dinh dưỡng và Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế.

- Tổng hợp kết quả, xây dựng báo cáo thử nghiệm. Tổ chức hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia, cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và hoàn thiện sau Hội thảo.

- Dự thảo 11. Hoàn thiện Bộ chuẩn sau Hội thảo tham vấn và Hợp Ban soạn thảo, Tổ biên tập báo cáo sản phẩm với Thứ trưởng Ngô Thị Minh (ngày 23/5). Cấu trúc Bộ chuẩn, gồm: 6 lĩnh vực, 22 chuẩn và 69 chỉ số.

- Dự thảo 12. Hoàn thiện Bộ chuẩn sau Hợp Ban soạn thảo, Tổ biên tập và chỉ đạo của Thứ trưởng Ngô Thị Minh và nhiều cuộc họp nhóm chuyên gia hoàn thiện. Tổ chức thẩm định. Cấu trúc Bộ chuẩn, gồm: 6 lĩnh vực, 21 chuẩn và 68 chỉ số.

- Năm 2023, Vụ GDMN đã tổ chức Hội thảo, Tọa đàm, họp 16 lần nhóm chuyên gia điều chỉnh, hoàn thiện Dự thảo Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi. Đến nay, Dự thảo 13 đã hoàn thiện sau thẩm định với Cấu trúc Bộ chuẩn gồm: 6 lĩnh vực, 22 chuẩn và 70 chỉ số và đã được Chủ tịch Hội đồng xác nhận nhất trí với Dự thảo Bộ chuẩn ngày 22/9/2023.

- Xây dựng các Dự thảo Thông tư quy định về Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi theo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Xin ý kiến một số Vụ, Cục liên quan trong Bộ.

- Tổ chức lấy ý kiến dự thảo Thông tư:

+ Dự thảo Thông tư đã được gửi xin ý kiến trên cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Bộ GDĐT từ ngày 05/10/2023;

+ Lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

- Tổ chức các cuộc họp, Hội thảo về xây dựng Thông tư.

- Hoàn thiện Hồ sơ dự thảo Thông tư gửi Vụ Pháp chế thẩm định.

- Trình lãnh đạo Bộ ký, ban hành Thông tư.

Công tác truyền thông trong quá trình xây dựng Bộ chuẩn luôn được quan tâm. Từ năm 2021 đến nay, các cơ quan truyền thông đã hoàn thành 29 bài đăng về các hoạt động xây dựng nội dung và quá trình xây dựng Bộ chuẩn PTTE 5 tuổi.



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**KHUNG NỘI DUNG DỰ THẢO 2**  
**THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI**  
(Dự thảo đăng công Thông tin điện tử Chính phủ và Bộ GDĐT ngày 05/10/2023)

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <b>Chương I</b><br><b>QUY ĐỊNH CHUNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                          |
| <b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b><br>1. Thông tư này quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi (sau đây gọi tắt là Bộ chuẩn), bao gồm: Mục đích, nội dung Bộ chuẩn và tổ chức thực hiện.<br>2. Thông tư này áp dụng đối với các trường mầm non, trường mẫu giáo và lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.                                                          |                            |                                          |
| <b>Điều 2. Mục đích của Bộ chuẩn</b><br>1. Bộ chuẩn định hướng về sự phát triển của trẻ em 5 tuổi, giúp các nhà quản lý, nhà giáo dục, cha mẹ trẻ em và các tổ chức, cá nhân liên quan hiểu rõ về khả năng, mức độ đạt được của trẻ em 5 tuổi.<br>2. Bộ chuẩn làm cơ sở xác định kết quả mong đợi ở trẻ trong xây dựng Chương trình giáo dục mầm non.<br>3. Bộ chuẩn làm căn cứ tham chiếu để xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non, địa phương và quốc gia. |                            |                                          |
| <b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                          |



| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p>Các từ ngữ trong văn bản này được hiểu như sau:</p> <p>1. Trẻ em 5 tuổi là trẻ trong độ tuổi từ 60 tháng đến 71 tháng.</p> <p>2. Bộ chuẩn là tập hợp những chuẩn của các lĩnh vực phát triển trẻ em 5 tuổi.</p> <p>3. Lĩnh vực là phạm vi phát triển cụ thể.</p> <p>4. Chuẩn là những mong đợi trẻ em 5 tuổi biết và có thể làm được.</p> <p>5. Chỉ số là các biểu hiện cụ thể, phản ánh nội dung của chuẩn.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Điều 4. Cấu trúc Bộ chuẩn</b></p> <p>1. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi gồm 6 lĩnh vực, 22 chuẩn, 70 chỉ số.</p> <p>2. Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi được trình bày theo cấu trúc sau:</p> <p>a. Lĩnh vực bao gồm các chuẩn.</p> <p>b. Chuẩn bao gồm các chỉ số.</p>                                                                                                                                    |                            |                                          |
| <b>Chương II</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                            |                                          |
| <b>NỘI DUNG BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ EM 5 TUỔI</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                            |                                          |
| <p><b>Điều 5. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thể chất</b></p> <p><i>Các năng lực cơ bản trong lĩnh vực phát triển Thể chất được phân ánh thông qua: Sức khỏe thể chất (chuẩn 1, 2); Thực hiện các kỹ năng vận động (chuẩn 3, 4); Hiểu biết, thực hành dinh dưỡng, vệ sinh và an toàn (chuẩn 5, 6).</i></p>                                                                                                     |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 1. Trẻ có thể lực để tham gia tích cực vào các hoạt động</b></p> <p>a) Chỉ số 1. Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi mà</p>                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                          |



| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p>không cần nhắc nhở;<br/>b) Chỉ số 2. Thường xuyên tham gia vào các hoạt động thể chất với nhóm bạn;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 2. Trẻ thích ứng với sự thay đổi của hoạt động thể chất và môi trường</b><br/>a) Chỉ số 3. Duy trì thể lực khi tham gia các hoạt động thể chất trong môi trường thay đổi;<br/>b) Chỉ số 4. Dễ dàng tham gia vào hoạt động với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.</p>                                                                                                                                                                          |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 3. Trẻ có kỹ năng vận động thô (vận động cơ lớn)</b><br/>a) Chỉ số 5. Thực hiện phối hợp các vận động: Đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; Leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động không cần sự hỗ trợ;<br/>b) Chỉ số 6. Chạy nhanh 20m trong 5 - 6 giây;<br/>c) Chỉ số 7. Đập và bắt bóng liên tục (tối thiểu bắt được 2/3 lần); ném bóng cho người lớn và bắt bóng bằng 2 tay ở khoảng cách 3-3,5m.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 4. Trẻ có kỹ năng vận động tinh (vận động cơ nhỏ)</b><br/>a) Chỉ số 8. Cắt theo đường viền thẳng và cong của hình: ngôi sao, ô tô, con cá và dán hình vào đúng vị trí;<br/>b) Chỉ số 9. Thực hiện được các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ: cài/ mở khuy áo; đóng mở khóa kéo; đi giày, dép; đánh răng; sử dụng thìa/đũa để tự ăn; sử dụng dao nhựa cắt hoa quả mềm để ăn.</p>                                                           |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 5. Trẻ thực hành ăn, uống lành mạnh và thói</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>quen vệ sinh cơ bản</b></p> <p>a) Chỉ số 10. Trẻ nhận biết về các loại thực phẩm, các nhóm chất dinh dưỡng và lợi ích của chúng với sức khỏe;</p> <p>b) Chỉ số 11. Thực hiện ăn uống đầy đủ (ăn đủ chất, đủ lượng, đa dạng thực phẩm), sạch sẽ (bảo đảm vệ sinh) và lành mạnh (Có lợi cho sức khỏe, phòng, tránh các đồ ăn gây dị ứng cho bản thân);</p> <p>c) Chỉ số 12. Thực hiện các yêu cầu giữ vệ sinh cá nhân, đồ dùng và môi trường sống gần gũi.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 6. Trẻ có kỹ năng an toàn</b></p> <p>a) Chỉ số 13. Trẻ biết và không thực hiện các hoạt động gây mất an toàn;</p> <p>b) Chỉ số 14. Trẻ nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp (tránh xa; kêu cứu; thông báo với người lớn...);</p> <p>c) Chỉ số 15. Nhận ra một số dấu hiệu bất thường của cơ thể và thông báo với người lớn (cảm thấy mệt, đau, mất ngủ, buồn nôn ...).</p>                                                          |                            |                                          |
| <p><b>Điều 6. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội</b></p> <p><i>Lĩnh vực phát triển tình cảm – xã hội đề cập đến các năng lực của trẻ về nhận thức bản thân (chuẩn 7,8) và năng lực quan hệ xã hội (9,10).</i></p>                                                                                                                                                                                                                               |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 7. Trẻ nhận thức và thể hiện thái độ đối với bản thân</b></p> <p>a) Chỉ số 16. Nhận biết về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, nhu cầu, sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| b) Chỉ số 17. Gọi tên được 3 cảm xúc khác nhau của bản thân và nói nguyên nhân gây ra các cảm xúc đó.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 8. Trẻ có thể quản lý cảm xúc và thể hiện trách nhiệm với người khác</b><br>a) Chỉ số 18. Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân;<br>b) Chỉ số 19. Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp trong giao tiếp với mọi người xung quanh;<br>c) Chỉ số 20. Kiểm soát cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;<br>d) Chỉ số 21. Đưa ra quyết định có trách nhiệm với bản thân.                                                                                                                                                     |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 9. Trẻ ứng xử phù hợp trong mối quan hệ với người khác và môi trường</b><br>a) Chỉ số 22. Nhận biết và thể hiện thái độ phù hợp trong mối quan hệ ở gia đình, nhà trường, cộng đồng;<br>b) Chỉ số 23. Thể hiện được hành vi ứng xử văn hoá trong mối quan hệ với người khác và môi trường;<br>c) Chỉ số 24. Tôn trọng sự khác biệt của người khác;<br>d) Chỉ số 25. Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi;<br>e) Chỉ số 26. Nhận biết mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên và ứng xử phù hợp. |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 10. Trẻ thể hiện sự trung thực trong giao tiếp và ứng xử với người khác</b><br>a) Chỉ số 27. Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc đã xảy ra;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| b) Chỉ số 28. Nhận lỗi và sửa lỗi khi vi phạm;<br>c) Chỉ số 29. Giữ lời hứa với người khác.                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                          |
| <b>Điều 7. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp</b><br><i>Các năng lực cơ bản trong Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp được phân ánh thông qua: Nghe hiểu và biểu đạt thông tin phù hợp trong giao tiếp (chuẩn 11,12) và sẵn sàng cho việc học đọc và học viết (chuẩn 13,14).</i>                          |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 11. Trẻ nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp</b><br>a) Chỉ số 30. Nghe hiểu và làm theo được chỉ dẫn 3 bước;<br>b) Chỉ số 31. Sử dụng lời nói trong giao tiếp để người khác hiểu được;<br>c) Chỉ số 32. Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp;<br>d) Chỉ số 33. Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói. |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 12. Trẻ thể hiện ngôn ngữ sáng tạo</b><br>a) Chỉ số 34. Diễn tả hiểu biết của bản thân theo cách riêng của mình để người khác hiểu được;<br>b) Chỉ số 35. Kể chuyện sáng tạo theo ý tưởng riêng của mình.                                                                                                                     |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 13. Trẻ sẵn sàng cho việc học đọc</b><br>a) Chỉ số 36. Thể hiện sự thích thú và có hành vi phù hợp với sách và ấn phẩm;<br>b) Chỉ số 37. Nhận biết được một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;                                                                                                                           |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| c) Chỉ số 38. Nhận biết được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt;<br>d) Chỉ số 39. Nghe và nhận ra âm đầu giống nhau trong các tiếng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 14. Trễ sẵn sàng cho việc viết</b><br>a) Chỉ số 40. Thể hiện sự thích thú và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết”;<br>b) Chỉ số 41. Bắt chước hành vi “viết”.                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                            |                                          |
| <b>Điều 8. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức</b><br><i>Các năng lực cơ bản trong Lĩnh vực phát triển nhận thức được phân ánh thông qua: sử dụng khả năng tư duy về các sự vật, hiện tượng gần gũi và biểu đạt bằng nhiều hình thức khác nhau; sử dụng kiến thức, kỹ năng sơ đẳng về toán, khoa học và tiếp cận công nghệ để tham gia hoạt động; giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến toán, khoa học và công nghệ trong cuộc sống hằng ngày (chuẩn 15, 16, 17, 18).</i> |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 15. Trễ thực hiện các kỹ năng liên quan đến số, đếm và đo</b><br>a) Chỉ số 42. Thực hiện tách, gộp, so sánh số lượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả;<br>b) Chỉ số 43. Thực hiện thêm, bớt số lượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả;<br>c) Chỉ số 44. Thực hiện được các thao tác đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ và biểu thị kết quả đo.                                                                                                  |                            |                                          |
| <b>Chuẩn 16. Trễ xác định hình dạng, quy tắc sắp xếp,</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>định hướng trong không gian và thời gian</b></p> <p>a) Chỉ số 45. Xác định được một số hình phẳng và hình khối đơn giản trong cuộc sống xung quanh;</p> <p>b) Chỉ số 46. Thực hiện sắp xếp theo quy tắc;</p> <p>c) Chỉ số 47. Xác định được vị trí trong không gian theo vật chuẩn;</p> <p>d) Chỉ số 48. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai và gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;</p> <p>e) Chỉ số 49. Xác định được giờ đúng trên đồng hồ.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hiểu biết và thực hiện khám phá khoa học</b></p> <p>a) Chỉ số 50. Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên;</p> <p>b) Chỉ số 51. Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm;</p> <p>c) Chỉ số 52. Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật với môi trường sống.</p>                                                                   |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 18. Trẻ nhận biết và thể hiện kỹ năng phù hợp khi tiếp cận công nghệ số</b></p> <p>a) Chỉ số 53. Sử dụng được một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn;</p> <p>b) Chỉ số 54. Thể hiện kỹ năng tiếp cận công nghệ số để giải quyết vấn đề theo quy trình các bước đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.</p>                                                                                                            |                            |                                          |



| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>Điều 9. Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b></p> <p><i>Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ đề cập đến năng lực ở trẻ cuối 5 tuổi về sự phát triển thẩm mỹ bao gồm: Năng lực cảm thụ cái đẹp (chuẩn 19) và năng lực sử dụng nghệ thuật như là phương tiện để thể hiện cảm xúc, hiểu biết và sự sáng tạo của bản thân (chuẩn 20). Các chuẩn, chỉ số trong lĩnh vực này đề cao cảm xúc, ý tưởng của bản thân trẻ trong các hoạt động nghệ thuật và ứng dụng sáng tạo nghệ thuật vào cuộc sống.</i></p>                                                                                                                                                                                           |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 19. Trẻ thể hiện khả năng cảm thụ cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và cuộc sống</b></p> <p>a) Chỉ số 55. Bộc lộ cảm xúc (qua lời nói, cử chỉ, hành động....) trước cái đẹp trong thiên nhiên, nghệ thuật và cuộc sống;</p> <p>b) Chỉ số 56. Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống;</p> <p>c) Chỉ số 57. Bày tỏ ý kiến của bản thân đối với sản phẩm nghệ thuật;</p> <p>d) Chỉ số 58. Thể hiện hiểu biết của bản thân về nghệ thuật dân gian truyền thống của địa phương và/hoặc của Việt Nam;</p> <p>e) Chỉ số 59. Có lời nói, hành động hoặc thái độ thể hiện sự yêu quý, giữ gìn sản phẩm nghệ thuật và cái đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 20. Trẻ sử dụng nghệ thuật để thể hiện sự sáng tạo của bản thân</b></p> <p>a) Chỉ số 60. Thể hiện cảm xúc, ý tưởng của bản thân thông qua hát, vận động theo nhạc;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                                          |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p>b) Chỉ số 61. Tạo ra sản phẩm nghệ thuật tạo hình theo cảm xúc, ý tưởng của bản thân và nói về nó;</p> <p>c) Chỉ số 62. Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật;</p> <p>d) Chỉ số 63. Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng của mình (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói/ cử chỉ lịch sự/nhân ái...).</p>                                                                        |                            |                                          |
| <p><b>Điều 10. Các chuẩn tiếp cận với việc học</b></p> <p><i>Lĩnh vực tiếp cận với việc học đề cập mọi số yếu tố cần thiết hướng đến hình thành các năng lực học tập bền vững sau này, như: Tự chủ với việc học (chuẩn 21) và giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống (chuẩn 22).</i></p>                                                                                                                                                                  |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 21. Tự chủ với việc học</b></p> <p>a) Chỉ số 64. Tò mò, thích tìm hiểu sự vật, hiện tượng;</p> <p>b) Chỉ số 65. Tập trung chú ý trong thực hiện nhiệm vụ và hoạt động;</p> <p>c) Chỉ số 66. Sẵn sàng tham gia và thực hiện nhiệm vụ đến cùng;</p> <p>d) Chỉ số 67. Chủ động thực hiện nhiệm vụ và tham gia hoạt động;</p> <p>e) Chỉ số 68. Hợp tác và kết hợp làm việc với trẻ em khác trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Chuẩn 22. Giải quyết vấn đề đơn giản trong cuộc sống</b></p> <p>a) Chỉ số 69. Thảo luận, giải thích, diễn giải được suy nghĩ của bản thân;</p> <p>b) Chỉ số 70. Thực hiện được một số kỹ năng giải quyết</p>                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                                          |

| <p><b>NỘI DUNG</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p><b>ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG</b></p> | <p><b>LÝ DO/CĂN CỨ</b><br/>(Khoa học, thực tiễn...)</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <p>vấn đề đơn giản trong cuộc sống.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                          |                                                         |
| <p><b>Chương III</b></p> <p><b>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b></p> <p><b>Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo</b></p> <p>1. Sử dụng Bộ chuẩn làm cơ sở xác định kết quả mong đợi các độ tuổi trong xây dựng Chương trình giáo dục mầm non.</p> <p>2. Hướng dẫn các địa phương sử dụng Bộ chuẩn làm căn cứ để xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.</p> <p>3. Truyền thông nâng cao nhận thức của xã hội về Bộ chuẩn, huy động sự tham gia của xã hội vào hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn nhằm đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam.</p> |                                          |                                                         |
| <p><b>Điều 12. Trách nhiệm của sở giáo dục và đào tạo</b></p> <p>1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm các điều kiện, giúp trẻ em mầm non phát triển toàn diện theo quy định tại Bộ chuẩn.</p> <p>2. Hướng dẫn các phòng giáo dục đào tạo sử dụng Bộ chuẩn làm căn cứ tham mưu xây dựng kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục mầm non tại địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.</p> <p>3. Truyền thông nâng cao nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ, cộng đồng, các tổ chức và cá nhân liên quan tại địa phương về Bộ chuẩn.</p>                                    |                                          |                                                         |

| NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG | LÝ DO/CĂN CỨ<br>(Khoa học, thực tiễn...) |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------|
| <p><b>Điều 13. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo</b></p> <p>1. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm các điều kiện, giúp trẻ em 5 tuổi tại địa phương phát triển theo quy định tại Bộ chuẩn.</p> <p>2. Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường theo quy định tại Bộ chuẩn.</p> <p>3. Truyền thông, nâng cao nhận thức của cha mẹ, người chăm sóc trẻ, cộng đồng và các tổ chức và cá nhân liên quan tại địa phương về Bộ chuẩn.</p> |                            |                                          |
| <p><b>Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục mầm non</b></p> <p>1. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, đổi mới phương pháp và hình thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại Bộ chuẩn.</p> <p>2. Truyền thông, hướng dẫn cha mẹ trẻ em, người chăm sóc trẻ về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.</p>                                                      |                            |                                          |
| <p><b>Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã</b></p> <p>1. Vận động các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức, cá nhân phối hợp tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho sự phát triển liên tục, toàn diện của trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.</p> <p>2. Hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tuyên truyền của cơ sở giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ và cộng đồng</p>                                                                                                                           |                            |                                          |

| <p><b>NỘI DUNG</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p><b>ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA, BỔ SUNG</b></p> | <p><b>LÝ DO/CĂN CỨ</b><br/>(Khoa học, thực tiễn...)</p> |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| <p>trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo quy định tại Bộ chuẩn.</p>                                                                                                                                                                                                                       |                                          |                                                         |
| <p><b>Điều 16. Trách nhiệm của gia đình</b><br/>           Gia đình có trách nhiệm phối hợp với cơ sở giáo dục mầm non thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho trẻ em phát triển toàn diện theo quy định tại Bộ chuẩn nhằm đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam.</p> |                                          |                                                         |

